



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN            2016/BNNPTNT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TINH VẬT NUÔI:  
PHẦN 1: TINH BÒ**

*National technical regulation on bovine semen*

**HÀ NỘI – 2016**

**Lời nói đầu**

QCVN : 2016/BNNPTNT do Cục Chăn nuôi biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**  
**VỀ TINH VẬT NUÔI: PHẦN 1: TINH BÒ**  
*National technical regulations on bovine semen*

## 1. QUY ĐỊNH CHUNG

### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định về chất lượng và quản lý đối với tinh bò hàng hóa chỉ sử dụng với mục đích nhân giống.

### 1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh tinh bò.

### 1.3. Tài liệu viện dẫn

TCVN 8925:2012 tinh bò sữa, bò thịt – Đánh giá chất lượng.

### 1.4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này một số thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

#### 1.4.1. Tinh bò hàng hóa

Tinh bò hàng hóa trong quy chuẩn này bao gồm: Tinh bò sữa HF, tinh bò thịt và tinh bò sữa HF phân ly giới tính cái sản xuất, kinh doanh trên thị trường.

#### 1.4.2. Tinh đông lạnh

Là tinh được pha chế, đông lạnh từ tinh nguyên và bảo quản trong Ni-tơ lỏng ở nhiệt độ  $-196^{\circ}\text{C}$ .

#### 1.4.3. Tinh bò sữa phân ly giới tính cái

Là tinh bò sữa đông lạnh có chứa tối thiểu 80% số lượng tinh trùng mang nhiễm sắc thể X.

## 2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

### 2.1. Yêu cầu đối với chất lượng tinh

2.1.1. Yêu cầu kỹ thuật với tinh đông lạnh sau khi giải đông được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu kỹ thuật đối với tinh đông lạnh sau giải đông

STT	Chỉ tiêu	Tinh bò sữa	Tinh bò sữa phân ly giới tính cái	Tinh bò thịt
1	Hoạt lực tinh trùng, đơn vị tính: %, không nhỏ hơn	40	30	40

2	Số lượng tinh trùng sống, đơn vị tính: triệu tế bào, không nhỏ hơn	8	3	8
3	Tỷ lệ tinh trùng mang nhiễm sắc thể X, đơn vị tính: %, không nhỏ hơn  Hoặc tỷ lệ bê cái sinh ra, đơn vị tính: %, không nhỏ hơn	-	90  80%	-

2.1.2. Tinh bò được sản xuất tại các cơ sở sản xuất tinh do cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2.1.3. Tinh bò đông lạnh được khai thác từ bò đực giống đạt các yêu cầu sau:

2.1.3.1. Yêu cầu chung

2.1.3.1.1. Bò đực giống được khai thác tinh từ 18 tháng tuổi trở lên và thời gian khai thác tinh không quá 60 tháng kể từ thời điểm bắt đầu khai thác;

2.1.3.1.2. Bò đực giống phải được tiêm phòng vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm và không nhiễm các bệnh truyền nhiễm theo quy định của cơ quan thú y.

2.1.3.2. Yêu cầu kỹ thuật với bò đực giống khai thác tinh được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu kỹ thuật đối với bò đực giống khai thác tinh

STT	Bò đực giống hướng sữa	Bò đực giống hướng sữa để sản xuất tinh phân ly giới tính cái	Bò đực giống hướng thịt
1	Có nguồn gốc, lý lịch rõ ràng, lý lịch ba đời	Có nguồn gốc rõ ràng, lý lịch ba đời.	Có nguồn gốc, lý lịch rõ ràng, lý lịch ba đời
2	Đã kiểm tra năng suất cá thể	Đã kiểm tra năng suất qua đời sau hoặc tương đương	Đã kiểm tra năng suất cá thể.
3	Sức sản xuất của mẹ bò đực giống cho tinh: Sản lượng sữa tối thiểu 8.000 kg/chu kỳ, tỷ lệ mỡ sữa không thấp hơn 3,2%.	Sức sản xuất của mẹ bò đực giống cho tinh: sản lượng sữa tối thiểu 11.000 kg/chu kỳ, tỷ lệ mỡ sữa không thấp hơn 3,2%.	
4	Tiềm năng năng suất sữa của bố bò đực giống không thấp hơn 10.000 kg/chu kỳ.	Tiềm năng năng suất sữa của bố bò đực giống không thấp hơn 12.000 kg/chu kỳ.	

2.1.4. Không được khai thác tinh của đực giống trong khu vực đang có dịch bệnh theo quy định của pháp luật về thú y;

## **2.2. Yêu cầu ghi nhãn hàng hóa, bao gói sản phẩm đối với tinh đông lạnh dạng cọng rạ**

- 2.2.1. Nội dung ghi nhãn của tinh bò thực hiện theo quy định tại Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 về nhãn hàng hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thông tin ghi trên cọng rạ bao gồm: Mã nước sản xuất, giống bò, số hiệu bò đực giống, ngày tháng năm sản xuất, tên hoặc ký hiệu của cơ sở sản xuất tinh.
- 2.2.2. Tinh cọng rạ phải nguyên vẹn, không nứt, gãy, nổ đầu cọng rạ.

## **2.3. Yêu cầu bảo quản và vận chuyển tinh**

### **2.3.1. Yêu cầu chung**

Tinh đông lạnh phải được bảo quản trong Nitơ lỏng  $-196^{\circ}\text{C}$  bằng bình chuyên dụng. Trong quá trình bảo quản, phải thường xuyên kiểm tra và bổ sung Nitơ lỏng. Mức Nitơ lỏng tối thiểu trong khi bảo quản phải đảm bảo ngập hết cọng tinh.

### **2.3.2. Đối với cơ sở bảo quản, cung ứng tinh bò đông lạnh:**

Phải có thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để bảo quản, lưu giữ tinh bò đông lạnh.

### **2.3.3. Đối với người vận chuyển, cung ứng tinh bò đông lạnh:**

Phải có thiết bị, dụng cụ chuyên dùng đảm bảo để trong quá trình vận chuyển không để bình đựng tinh đông lạnh bị đổ, vỡ, tràn Nitơ lỏng ra môi trường.

### **2.3.4. Đối với người sử dụng tinh bò đông lạnh:**

Phải có bình chứa Nitơ đảm bảo chất lượng để bảo quản, lưu giữ tinh bò đông lạnh. Trong quá trình vận chuyển bình chứa Nitơ phải cố định chắc chắn, có thiết bị bảo vệ để bình Nitơ đựng tinh đông lạnh không bị va đập, đổ, vỡ, hỏng và tràn Nitơ lỏng ra môi trường.

## **2.4. Phương pháp kiểm tra**

- 2.4.1. Phương pháp kiểm tra chất lượng tinh đông lạnh sau giải đông theo quy định tại TCVN 8925: 2012 tinh bò sữa, bò thịt – Đánh giá chất lượng.
- 2.4.2. Phương pháp kiểm tra năng suất cá thể được thực hiện theo Phụ lục A của Quy chuẩn này.
- 2.4.3. Phương pháp kiểm tra năng suất qua đời sau hoặc tương đương: Theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất.
- 2.4.4. Tiềm năng năng suất sữa của bò đực giống; năng suất sữa và tỷ lệ mỡ sữa của bò cái theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất.
- 2.4.5. Số lượng tinh trùng mang nhiễm sắc thể X theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất.
- 2.4.6. Tỷ lệ bê cái sinh ra theo hồ sơ công bố của nhà sản xuất.

## **3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

### **3.1. Chứng nhận và công bố hợp quy**

#### **3.1.1. Chứng nhận hợp quy**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tinh bò thực hiện chứng nhận hợp đối với tinh bò sản xuất trong nước theo phương thức 5 quy định tại Thông tư 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **3.1.2. Công bố hợp quy**

Tổ chức, cá nhân kinh doanh tinh bò thực hiện công bố hợp quy đối với tinh bò nhập khẩu theo phương thức 7 quy định tại Thông tư 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **3.2. Quy định quản lý khác**

### **3.2.1. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất tinh bò trong nước**

Yêu cầu về hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tinh bò đông lạnh thực hiện ghi chép, theo dõi các thông tin sau:

3.2.1.1. Nguồn gốc, lý lịch của bò đực giống (tên, số hiệu bò đực giống, tên giống bò, ngày tháng năm sinh, lý lịch 3 đời: bản thân, bố mẹ, ông bà, thông tin về sinh trưởng và sản xuất).

3.2.1.2. Kết quả đánh giá, bình tuyển bò đực giống hàng năm.

3.2.1.3. Kiểm tra năng suất cá thể của từng đực giống sản xuất tinh bò sữa và tinh bò thịt.

3.2.1.4. Kết quả kiểm tra năng suất qua đời sau của từng đực giống sản xuất tinh bò sữa phân ly giới tính.

3.2.1.5. Nhật ký thú y; nhật ký sản xuất tinh: số lượng tinh sản xuất ra theo từng thời điểm khai thác tinh của từng con bò đực giống khai thác tinh.

### **3.2.2. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh tinh bò nhập khẩu**

Yêu cầu về hồ sơ:

3.2.2.1. Nguồn gốc, lý lịch của bò đực giống (tên, số hiệu bò đực giống, tên giống bò, ngày tháng năm sinh, lý lịch 3 đời: bản thân, bố mẹ, ông bà, thông tin về sinh trưởng và sản xuất).

3.2.2.2. Kết quả kiểm tra năng suất qua đời sau hoặc kiểm tra gen (genomic testing) của từng đực giống theo công bố của nhà sản xuất.

## **4. Tổ chức thực hiện**

4.1.1. Cục Chăn nuôi có trách nhiệm:

4.1.1.1. Đánh giá và chỉ định Tổ chức chứng nhận về tinh bò.

4.1.1.2. Chỉ đạo, quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với tinh bò.

4.1.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

4.1.2.1. Phối hợp với Cục Chăn nuôi trong việc đôn đốc, hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với tinh bò.

4.1.2.2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký, ra thông báo tiếp nhận công bố hợp quy, lập sổ theo dõi và quản lý hồ sơ công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư 55/2012TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.1.2.3. Hàng quý, đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, báo cáo Cục Chăn nuôi về tình hoạt động công bố hợp quy.

4.1.3. Tổ chức chứng nhận hợp quy thực hiện hoạt động chứng nhận hợp quy trong lĩnh vực đã được chỉ định theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư 55/2012TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.1.4. Trong trường hợp các tiêu chuẩn về phương pháp phân tích, xét nghiệm viện dẫn trong Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới./.

---

**PHỤ LỤC A**  
**KIỂM TRA NĂNG SUẤT CÁ THỂ**

**1. Yêu cầu về kiểm tra năng suất cá thể**

- 1.1. Thời gian kiểm tra năng suất cá thể được thực hiện từ khi bò đực được 6 tháng tuổi đến trước khi đưa vào sản xuất tinh (trước 18 tháng tuổi).
- 1.2. Kiểm tra khối lượng cơ thể tại các thời điểm: 6 tháng tuổi, 12 tháng tuổi và 18 tháng tuổi.
- 1.3. Kiểm tra chất lượng tinh tại thời điểm trước khi đưa vào sản xuất (18 -24 tháng tuổi) ít nhất 1 tuần/lần.

**2. Phương pháp**

**2.1. Phương pháp xác định khối lượng cơ thể bò**

- Khối lượng cơ thể bò, tính bằng kilogram, được xác định bằng cân điện tử hoặc cân bàn. Độ chính xác của cân đến 0,5 kg.
- Cân vào buổi sáng trước khi bò ăn, uống.
- Ngoài ra có thể dùng các phương pháp sau: dùng thước dây chuyên dụng và tính khối lượng theo công thức sau:

$$\text{Khối lượng bò (kg)} = 88,4 \times \text{vòng ngực}^2 \text{ (cm)} \times \text{dài thân chéo (cm)}$$

**2.2. Phương pháp đánh giá chất lượng tinh nguyên được đánh giá theo quy định tại TCVN 8925:2012.**